

Số: 1553/2024/QĐST-HNGĐ

Biên Hòa, ngày 22 tháng 10 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

Căn cứ khoản 2 Điều 149, 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107 và điều 110 Luật Hôn nhân và  
Gia đình 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy  
ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và  
sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2178/2024/TLST-  
VHNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly  
hôn, thỏa thuận nuôi con chung” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà **Nguyễn Thị Kim H**, sinh năm 1993.

Địa chỉ thường trú: nhà không số, **Thôn Văn Tứ Đ**, **xã C**, **huyện C**, **tỉnh**  
**Khánh Hòa**.

Địa chỉ tạm trú: 206/17, **khu phố I**, **phường T**, **thành phố B**, **tỉnh Đồng**  
**Nai**.

2. Ông **Nguyễn Văn Đ1**, sinh năm 1988.

Địa chỉ thường trú: nhà không số, **Xóm S**, **xã H**, **huyện H**, **tỉnh Nam**  
**Định**.

Địa chỉ tạm trú: Nhà không số, **khu phố D**, **phường T**, **thành phố B**, **tỉnh**  
**Đồng Nai**.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1] Về thủ tục tố tụng:**

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, bà **Nguyễn Thị Kim H** và ông **Nguyễn Văn**  
**Đ1** cùng nộp đơn yêu cầu “công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi  
con chung”. Quá trình vận động hòa giải, bà **H** và ông **Đ1** thống nhất không hòa  
giải đoàn tụ; Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã lập biên bản hòa giải đoàn  
tụ không thành và ghi nhận thuận tình ly hôn vào ngày 11 tháng 10 năm 2024.

Bà H và ông Đ1 hiện cùng cư trú tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai; ông bà đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự; Do đó, đơn yêu cầu của bà H và ông Đ1 được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

## **[2] Về nội dung đơn yêu cầu:**

Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Văn Đ1 tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa, theo giấy chứng nhận kết hôn số 23/2015, quyển số 01/2015 ngày 01/4/2015. Bà H và ông Đ1 có 02 người con chung là cháu Nguyễn Vũ Hải N, sinh ngày 20/8/2015 và cháu Nguyễn Ngọc Khánh N1, sinh ngày 20/7/2018. Ly hôn vợ chồng ông bà thỏa thuận giao cháu N và cháu N1 cho ông Đ1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời bà H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000đồng/con/tháng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N và cháu N1 đủ tuổi trưởng thành, có khả năng lao động. Về tài sản chung: Bà H và ông Đ1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Bà H và ông Đ1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình chung sống, bà H và ông Đ1 thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Bà H và ông Đ1 xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung.

Xét thấy, bà H và ông Đ1 thực sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con; sự thỏa thuận của ông bà đảm bảo quyền lợi chính đáng của các bên. Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu của bà H và ông Đ1.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Văn Đ1.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Vũ Hải N, sinh ngày 20/8/2015 và cháu Nguyễn Ngọc Khánh N1, sinh ngày 20/7/2018 cho ông Đ1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà Nguyễn Thị Kim H cấp dưỡng nuôi con chung 2.500.000đ/con/tháng từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N và cháu N1 đủ tuổi trưởng thành, có khả năng lao động.



Sau khi ly hôn, bà **H** vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Bà **H1** có quyền thăm nom con chung; không ai được cản trở thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà **Nguyễn Thị Kim H** và ông **Nguyễn Văn Đ1** mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu lệ phí số 0000930 ngày 02/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa. Bà **H** và ông **Đ1** đã nộp đủ lệ phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã (phường) ĐKKH;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Thành Thị Thu Trang**